

UNIT 9: PRESERVING THE ENVIRONMENT

No	Word	Meaning
1		thực hiện nghĩa vụ quân sự
2		học nghề kỹ sư
3		có ý nghĩa
4		tạo nên sự khác biệt
5		hại nhiều hơn lợi
6		ra một quyết định
7		trở nên giàu có
8		thoả thuận (trong kinh doanh)
9		loại bỏ, giết, bãi bỏ
10		tạo chỗ trống cho cái gì
11		bắt chước cho giống ai
12		quan sát
13		cắm hoa vào lọ
14		làm âm ỉ
15		kiếm sống
16		kiếm cớ
17		kiếm lãi
18		làm điều gì sai
19		đặt chỗ
20		tập thể dục nhịp điệu